

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KHO VẬN TÂN CẢNG**

BẢO CAO TẠI CHỖ HỢP NHẤT  
CHỖ HỢP NHẤT TẠI CHỖ NGÀY 21 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHO VẠN TÀI CĂNG



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>5 - 8</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>9</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>10 - 11</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>12 - 41</b>

\*\*\*\*\*



Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the middle section of the page.

Blank text area in the lower middle section of the page.

Blank text area in the bottom middle section of the page.

Blank text area in the bottom section of the page.

Blank text line at the bottom center of the page.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (sau đây gọi là “nhóm Công ty”)

### Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Phi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Ngày 17 tháng 6 năm 2021

### MEMORANDUM FOR THE RECORD

The following information was received from the [redacted] regarding the [redacted] on [redacted].

[redacted] advised that [redacted] was [redacted] on [redacted].

[redacted] further stated that [redacted] was [redacted] on [redacted].

- [redacted]
- [redacted]
- [redacted]
- [redacted]

[redacted] advised that [redacted] was [redacted] on [redacted].

[redacted] advised that [redacted] was [redacted] on [redacted].

[redacted] advised that [redacted] was [redacted] on [redacted].

[redacted] advised that [redacted] was [redacted] on [redacted].

[redacted] advised that [redacted] was [redacted] on [redacted].

[redacted] advised that [redacted] was [redacted] on [redacted].

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2018

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo – Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của nhóm Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Trần Quang Thảo**

Ngày 04 tháng 3 năm 2024

*[Faint, illegible text, likely bleed-through from the reverse side of the page]*



*[Handwritten signature or initials]*



Số: 2.0132/24/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khởi – Thành viên Ban Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1  
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024



**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1



Faint, illegible text at the top of the page, possibly a header or title.

Large block of faint, illegible text in the middle of the page.

Another large block of faint, illegible text below the middle section.

Final block of faint, illegible text near the bottom of the page.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>409.909.722.011</b>	<b>392.265.775.988</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>151.338.088.714</b>	<b>128.614.313.716</b>
1. Tiền	111		46.338.088.714	46.614.313.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.000.000.000	82.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>135.000.000.000</b>	<b>125.700.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	135.000.000.000	125.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.385.632.698</b>	<b>119.662.704.817</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	88.839.214.525	102.110.121.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.755.682.069	12.922.898.779
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.763.182.607	10.303.183.477
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.972.446.503)	(5.673.498.887)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.769.186.971</b>	<b>5.651.097.324</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7.769.186.971	5.651.097.324
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.416.813.628</b>	<b>12.637.660.131</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	12.860.058.565	12.610.992.666
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.486.284.282	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	70.470.781	26.667.465
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

## APPENDIX TO VOLUME I

CONTENTS

Page	Chapter	Section	Page
1	I	1.1	1
2	I	1.2	2
3	I	1.3	3
4	I	1.4	4
5	I	1.5	5
6	I	1.6	6
7	I	1.7	7
8	I	1.8	8
9	I	1.9	9
10	I	1.10	10
11	I	1.11	11
12	I	1.12	12
13	I	1.13	13
14	I	1.14	14
15	I	1.15	15
16	I	1.16	16
17	I	1.17	17
18	I	1.18	18
19	I	1.19	19
20	I	1.20	20
21	I	1.21	21
22	I	1.22	22
23	I	1.23	23
24	I	1.24	24
25	I	1.25	25
26	I	1.26	26
27	I	1.27	27
28	I	1.28	28
29	I	1.29	29
30	I	1.30	30
31	I	1.31	31
32	I	1.32	32
33	I	1.33	33
34	I	1.34	34
35	I	1.35	35
36	I	1.36	36
37	I	1.37	37
38	I	1.38	38
39	I	1.39	39
40	I	1.40	40
41	I	1.41	41
42	I	1.42	42
43	I	1.43	43
44	I	1.44	44
45	I	1.45	45
46	I	1.46	46
47	I	1.47	47
48	I	1.48	48
49	I	1.49	49
50	I	1.50	50
51	I	1.51	51
52	I	1.52	52
53	I	1.53	53
54	I	1.54	54
55	I	1.55	55
56	I	1.56	56
57	I	1.57	57
58	I	1.58	58
59	I	1.59	59
60	I	1.60	60
61	I	1.61	61
62	I	1.62	62
63	I	1.63	63
64	I	1.64	64
65	I	1.65	65
66	I	1.66	66
67	I	1.67	67
68	I	1.68	68
69	I	1.69	69
70	I	1.70	70
71	I	1.71	71
72	I	1.72	72
73	I	1.73	73
74	I	1.74	74
75	I	1.75	75
76	I	1.76	76
77	I	1.77	77
78	I	1.78	78
79	I	1.79	79
80	I	1.80	80
81	I	1.81	81
82	I	1.82	82
83	I	1.83	83
84	I	1.84	84
85	I	1.85	85
86	I	1.86	86
87	I	1.87	87
88	I	1.88	88
89	I	1.89	89
90	I	1.90	90
91	I	1.91	91
92	I	1.92	92
93	I	1.93	93
94	I	1.94	94
95	I	1.95	95
96	I	1.96	96
97	I	1.97	97
98	I	1.98	98
99	I	1.99	99
100	I	1.100	100



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>206.532.413.598</b>	<b>191.825.765.621</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.000.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	15.000.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>166.251.360.954</b>	<b>169.128.930.866</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	153.560.984.500	160.957.175.908
<i>Nguyên giá</i>	222		753.384.186.820	749.464.322.477
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(599.823.202.320)	(588.507.146.569)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.690.376.454	8.171.754.958
<i>Nguyên giá</i>	228		25.666.221.325	17.722.654.958
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.975.844.871)	(9.550.900.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>51.412.844</b>	<b>712.237.403</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		51.412.844	712.237.403
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.594.902.331</b>	<b>2.883.913.096</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	2.594.902.331	2.883.913.096
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.634.737.469</b>	<b>19.100.684.256</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	21.902.656.955	18.078.835.382
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	732.080.514	1.021.848.874
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>616.442.135.609</b>	<b>584.091.541.609</b>

DATE	DESCRIPTION	AMOUNT			
1900	...	...			
1901	...	...			
1902	...	...			
1903	...	...			
1904	...	...			
1905	...	...			
1906	...	...			
1907	...	...			
1908	...	...			
1909	...	...			
1910	...	...			
1911	...	...			
1912	...	...			
1913	...	...			
1914	...	...			
1915	...	...			
1916	...	...			
1917	...	...			
1918	...	...			
1919	...	...			
1920	...	...			
1921	...	...			
1922	...	...			
1923	...	...			
1924	...	...			
1925	...	...			
1926	...	...			
1927	...	...			
1928	...	...			
1929	...	...			
1930	...	...			
1931	...	...			
1932	...	...			
1933	...	...			
1934	...	...			
1935	...	...			
1936	...	...			
1937	...	...			
1938	...	...			
1939	...	...			
1940	...	...			
1941	...	...			
1942	...	...			
1943	...	...			
1944	...	...			
1945	...	...			
1946	...	...			
1947	...	...			
1948	...	...			
1949	...	...			
1950	...	...			
1951	...	...			
1952	...	...			
1953	...	...			
1954	...	...			
1955	...	...			
1956	...	...			
1957	...	...			
1958	...	...			
1959	...	...			
1960	...	...			
1961	...	...			
1962	...	...			
1963	...	...			
1964	...	...			
1965	...	...			
1966	...	...			
1967	...	...			
1968	...	...			
1969	...	...			
1970	...	...			
1971	...	...			
1972	...	...			
1973	...	...			
1974	...	...			
1975	...	...			
1976	...	...			
1977	...	...			
1978	...	...			
1979	...	...			
1980	...	...			
1981	...	...			
1982	...	...			
1983	...	...			
1984	...	...			
1985	...	...			
1986	...	...			
1987	...	...			
1988	...	...			
1989	...	...			
1990	...	...			
1991	...	...			
1992	...	...			
1993	...	...			
1994	...	...			
1995	...	...			
1996	...	...			
1997	...	...			
1998	...	...			
1999	...	...			
2000	...	...			
2001	...	...			
2002	...	...			
2003	...	...			
2004	...	...			
2005	...	...			
2006	...	...			
2007	...	...			
2008	...	...			
2009	...	...			
2010	...	...			
2011	...	...			
2012	...	...			
2013	...	...			
2014	...	...			
2015	...	...			
2016	...	...			
2017	...	...			
2018	...	...			
2019	...	...			
2020	...	...			
2021	...	...			
2022	...	...			
2023	...	...			
2024	...	...			
2025	...	...			
2026	...	...			
2027	...	...			
2028	...	...			
2029	...	...			
2030	...	...			
2031	...	...			
2032	...	...			
2033	...	...			
2034	...	...			
2035	...	...			
2036	...	...			
2037	...	...			
2038	...	...			
2039	...	...			
2040	...	...			
2041	...	...			
2042	...	...			
2043	...	...			
2044	...	...			
2045	...	...			
2046	...	...			
2047	...	...			
2048	...	...			
2049	...	...			
2050	...	...			

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>251.432.937.602</b>	<b>231.366.313.883</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>225.824.943.895</b>	<b>181.241.535.098</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	70.635.306.143	53.133.157.033
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	54.027.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	14.171.874.320	7.423.442.984
4. Phải trả người lao động	314		50.110.698.421	45.317.302.064
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	6.645.451.686	5.678.856.770
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	13.657.256.542	12.574.967.854
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	14.757.200.342	16.637.572.027
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	55.847.156.441	40.422.209.366
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.607.993.707</b>	<b>50.124.778.785</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	8.854.112.981	8.621.612.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	16.753.880.726	41.503.165.804
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

1. The first part of the document is a list of names and addresses. This list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in descending order of their last names.

Name	Address
Mr. J. B. Smith	123 Main St.
Mr. W. E. Jones	456 Elm St.
Mr. R. M. Brown	789 Oak St.
Mr. T. A. White	101 Pine St.
Mr. H. S. Green	202 Cedar St.
Mr. K. L. Black	303 Birch St.
Mr. N. P. Gray	404 Spruce St.
Mr. Q. R. Blue	505 Willow St.
Mr. S. T. Red	606 Ash St.
Mr. U. V. Purple	707 Hickory St.
Mr. X. Y. Orange	808 Sycamore St.
Mr. Z. A. Yellow	909 Magnolia St.
Mr. B. C. Green	1010 Dogwood St.
Mr. D. E. Blue	1111 Redwood St.
Mr. F. G. Purple	1212 Cypress St.
Mr. H. I. Orange	1313 Juniper St.
Mr. J. K. Yellow	1414 Fir St.
Mr. L. M. Green	1515 Hemlock St.
Mr. N. O. Blue	1616 Larch St.
Mr. P. Q. Purple	1717 Alder St.
Mr. R. S. Orange	1818 Basswood St.
Mr. T. U. Yellow	1919 Cottonwood St.
Mr. V. W. Green	2020 Elm St.
Mr. X. Y. Blue	2121 Maple St.
Mr. Z. A. Purple	2222 Oak St.
Mr. B. C. Orange	2323 Pine St.
Mr. D. E. Yellow	2424 Spruce St.
Mr. F. G. Green	2525 Willow St.
Mr. H. I. Blue	2626 Ash St.
Mr. J. K. Purple	2727 Birch St.
Mr. L. M. Orange	2828 Cedar St.
Mr. N. O. Yellow	2929 Elm St.
Mr. P. Q. Green	3030 Hickory St.
Mr. R. S. Blue	3131 Magnolia St.
Mr. T. U. Purple	3232 Redwood St.
Mr. V. W. Orange	3333 Cypress St.
Mr. X. Y. Yellow	3434 Juniper St.
Mr. Z. A. Green	3535 Fir St.
Mr. B. C. Blue	3636 Hemlock St.
Mr. D. E. Purple	3737 Larch St.
Mr. F. G. Orange	3838 Alder St.
Mr. H. I. Yellow	3939 Basswood St.
Mr. J. K. Green	4040 Cottonwood St.
Mr. L. M. Blue	4141 Elm St.
Mr. N. O. Purple	4242 Maple St.
Mr. P. Q. Orange	4343 Oak St.
Mr. R. S. Yellow	4444 Pine St.
Mr. T. U. Green	4545 Spruce St.
Mr. V. W. Blue	4646 Willow St.
Mr. X. Y. Purple	4747 Ash St.
Mr. Z. A. Orange	4848 Birch St.
Mr. B. C. Yellow	4949 Cedar St.
Mr. D. E. Green	5050 Elm St.
Mr. F. G. Blue	5151 Hickory St.
Mr. H. I. Purple	5252 Magnolia St.
Mr. J. K. Orange	5353 Redwood St.
Mr. L. M. Yellow	5454 Cypress St.
Mr. N. O. Green	5555 Juniper St.
Mr. P. Q. Blue	5656 Fir St.
Mr. R. S. Purple	5757 Hemlock St.
Mr. T. U. Orange	5858 Larch St.
Mr. V. W. Yellow	5959 Alder St.
Mr. X. Y. Green	6060 Basswood St.
Mr. Z. A. Blue	6161 Cottonwood St.
Mr. B. C. Purple	6262 Elm St.
Mr. D. E. Orange	6363 Maple St.
Mr. F. G. Yellow	6464 Oak St.
Mr. H. I. Green	6565 Pine St.
Mr. J. K. Blue	6666 Spruce St.
Mr. L. M. Purple	6767 Willow St.
Mr. N. O. Orange	6868 Ash St.
Mr. P. Q. Yellow	6969 Birch St.
Mr. R. S. Green	7070 Cedar St.
Mr. T. U. Blue	7171 Elm St.
Mr. V. W. Purple	7272 Hickory St.
Mr. X. Y. Orange	7373 Magnolia St.
Mr. Z. A. Yellow	7474 Redwood St.
Mr. B. C. Green	7575 Cypress St.
Mr. D. E. Blue	7676 Juniper St.
Mr. F. G. Purple	7777 Fir St.
Mr. H. I. Orange	7878 Hemlock St.
Mr. J. K. Yellow	7979 Larch St.
Mr. L. M. Green	8080 Alder St.
Mr. N. O. Blue	8181 Basswood St.
Mr. P. Q. Purple	8282 Cottonwood St.
Mr. R. S. Orange	8383 Elm St.
Mr. T. U. Yellow	8484 Maple St.
Mr. V. W. Green	8585 Oak St.
Mr. X. Y. Blue	8686 Pine St.
Mr. Z. A. Purple	8787 Spruce St.
Mr. B. C. Orange	8888 Willow St.
Mr. D. E. Yellow	8989 Ash St.
Mr. F. G. Green	9090 Birch St.
Mr. H. I. Blue	9191 Cedar St.
Mr. J. K. Purple	9292 Elm St.
Mr. L. M. Orange	9393 Hickory St.
Mr. N. O. Yellow	9494 Magnolia St.
Mr. P. Q. Green	9595 Redwood St.
Mr. R. S. Blue	9696 Cypress St.
Mr. T. U. Purple	9797 Juniper St.
Mr. V. W. Orange	9898 Fir St.
Mr. X. Y. Yellow	9999 Hemlock St.
Mr. Z. A. Green	10000 Larch St.

RA,  
 HD  
 CH  
 FB  
 TA  
 BA  
 SA



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>365.009.198.007</b>	<b>352.725.227.726</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>365.009.198.007</b>	<b>352.725.227.726</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.594.573.298	71.272.307.224
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.804.789.417	50.493.849.105
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.634.662.737	50.493.849.105
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.170.126.680	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		32.699.635.292	31.048.871.397
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>616.442.135.609</b>	<b>584.091.541.609</b>

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Trần Quang Thảo

**PHIÊN BẢN CHỈNH SỬA**  
**PHIÊN BẢN CHỈNH SỬA**  
**PHIÊN BẢN CHỈNH SỬA**  
**PHIÊN BẢN CHỈNH SỬA**

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GIÁ	THÀNH TIỀN
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...
21	...	...	...	...	...
22	...	...	...	...	...
23	...	...	...	...	...
24	...	...	...	...	...
25	...	...	...	...	...
26	...	...	...	...	...
27	...	...	...	...	...
28	...	...	...	...	...
29	...	...	...	...	...
30	...	...	...	...	...
31	...	...	...	...	...
32	...	...	...	...	...
33	...	...	...	...	...
34	...	...	...	...	...
35	...	...	...	...	...
36	...	...	...	...	...
37	...	...	...	...	...
38	...	...	...	...	...
39	...	...	...	...	...
40	...	...	...	...	...
41	...	...	...	...	...
42	...	...	...	...	...
43	...	...	...	...	...
44	...	...	...	...	...
45	...	...	...	...	...
46	...	...	...	...	...
47	...	...	...	...	...
48	...	...	...	...	...
49	...	...	...	...	...
50	...	...	...	...	...
51	...	...	...	...	...
52	...	...	...	...	...
53	...	...	...	...	...
54	...	...	...	...	...
55	...	...	...	...	...
56	...	...	...	...	...
57	...	...	...	...	...
58	...	...	...	...	...
59	...	...	...	...	...
60	...	...	...	...	...
61	...	...	...	...	...
62	...	...	...	...	...
63	...	...	...	...	...
64	...	...	...	...	...
65	...	...	...	...	...
66	...	...	...	...	...
67	...	...	...	...	...
68	...	...	...	...	...
69	...	...	...	...	...
70	...	...	...	...	...
71	...	...	...	...	...
72	...	...	...	...	...
73	...	...	...	...	...
74	...	...	...	...	...
75	...	...	...	...	...
76	...	...	...	...	...
77	...	...	...	...	...
78	...	...	...	...	...
79	...	...	...	...	...
80	...	...	...	...	...
81	...	...	...	...	...
82	...	...	...	...	...
83	...	...	...	...	...
84	...	...	...	...	...
85	...	...	...	...	...
86	...	...	...	...	...
87	...	...	...	...	...
88	...	...	...	...	...
89	...	...	...	...	...
90	...	...	...	...	...
91	...	...	...	...	...
92	...	...	...	...	...
93	...	...	...	...	...
94	...	...	...	...	...
95	...	...	...	...	...
96	...	...	...	...	...
97	...	...	...	...	...
98	...	...	...	...	...
99	...	...	...	...	...
100	...	...	...	...	...



(Signature)  
 (Signature)

(Signature)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	929.059.794.571	930.415.823.024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		929.059.794.571	930.415.823.024
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	707.014.811.231	719.228.219.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222.044.983.340	211.187.603.454
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.298.599.843	8.519.755.413
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.782.909.018	5.148.915.523
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.682.698.959	4.738.855.501
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V2.b	(289.010.765)	(716.086.904)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	33.291.209.225	28.136.976.914
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	75.821.887.248	69.713.140.412
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		122.158.566.927	115.992.239.114
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.601.061.307	797.331.933
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.097.475.854	1.662.986.380
14. Lợi nhuận khác	40		4.503.585.453	(865.654.447)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126.662.152.380	115.126.584.667
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		28.960.516.195	27.376.306.546
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	289.768.360	43.797.904
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		97.411.867.825	87.706.480.217
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		89.484.221.470	81.486.325.892
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.927.646.355	6.220.154.325
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.750	2.616
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.750	2.616

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN  
 KHU VỰC  
 KHU VỰC

## BẢNG CHỈ SỐ VÀ CHỈ SỐ

STT	Chỉ số	Đơn vị	Giá trị	Đơn vị	Giá trị
1	Chỉ số				
2	Chỉ số				
3	Chỉ số				
4	Chỉ số				
5	Chỉ số				
6	Chỉ số				
7	Chỉ số				
8	Chỉ số				
9	Chỉ số				
10	Chỉ số				
11	Chỉ số				
12	Chỉ số				
13	Chỉ số				
14	Chỉ số				
15	Chỉ số				
16	Chỉ số				
17	Chỉ số				
18	Chỉ số				
19	Chỉ số				
20	Chỉ số				
21	Chỉ số				
22	Chỉ số				
23	Chỉ số				
24	Chỉ số				
25	Chỉ số				
26	Chỉ số				
27	Chỉ số				
28	Chỉ số				
29	Chỉ số				
30	Chỉ số				
31	Chỉ số				
32	Chỉ số				
33	Chỉ số				
34	Chỉ số				
35	Chỉ số				
36	Chỉ số				
37	Chỉ số				
38	Chỉ số				
39	Chỉ số				
40	Chỉ số				
41	Chỉ số				
42	Chỉ số				
43	Chỉ số				
44	Chỉ số				
45	Chỉ số				
46	Chỉ số				
47	Chỉ số				
48	Chỉ số				
49	Chỉ số				
50	Chỉ số				
51	Chỉ số				
52	Chỉ số				
53	Chỉ số				
54	Chỉ số				
55	Chỉ số				
56	Chỉ số				
57	Chỉ số				
58	Chỉ số				
59	Chỉ số				
60	Chỉ số				



Handwritten signature and date.

Handwritten signature and date.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		126.662.152.380	115.126.584.667
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	37.364.518.920	42.412.733.720
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	1.298.947.616	(496.697.998)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(19.752.886)	312.515.191
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.595.003.303)	(7.302.508.127)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.682.698.959	4.738.855.501
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		149.393.561.686	154.791.482.954
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		478.564.363	32.153.830.520
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.118.089.647)	(953.037.393)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		23.384.665.396	(2.135.478.133)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.072.887.472)	(8.414.977.236)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.688.804.608)	(4.750.144.122)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(20.241.374.397)	(31.876.398.121)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	15.000.000	62.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(21.207.706.469)	(34.458.548.574)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>122.942.928.852</b>	<b>104.418.729.895</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.290.231.419)	(15.000.712.843)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.221.212.126	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(205.000.000.000)	(73.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		195.700.000.000	55.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.973.070.937	7.298.893.903
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(25.395.948.356)</b>	<b>(30.001.818.940)</b>

MEMORANDUM FOR THE RECORD

DATE: 10/26/2011

MEMORANDUM FOR THE RECORD

TO: [Name]

FROM: [Name]

Item No.	Description	Quantity	Unit Price	Total Price
1	[Faint description]	10	1.00	10.00
2	[Faint description]	5	2.00	10.00
3	[Faint description]	10	1.00	10.00
4	[Faint description]	5	2.00	10.00
5	[Faint description]	10	1.00	10.00
6	[Faint description]	5	2.00	10.00
7	[Faint description]	10	1.00	10.00
8	[Faint description]	5	2.00	10.00
9	[Faint description]	10	1.00	10.00
10	[Faint description]	5	2.00	10.00
11	[Faint description]	10	1.00	10.00
12	[Faint description]	5	2.00	10.00
13	[Faint description]	10	1.00	10.00
14	[Faint description]	5	2.00	10.00
15	[Faint description]	10	1.00	10.00
16	[Faint description]	5	2.00	10.00
17	[Faint description]	10	1.00	10.00
18	[Faint description]	5	2.00	10.00
19	[Faint description]	10	1.00	10.00
20	[Faint description]	5	2.00	10.00
21	[Faint description]	10	1.00	10.00
22	[Faint description]	5	2.00	10.00
23	[Faint description]	10	1.00	10.00
24	[Faint description]	5	2.00	10.00
25	[Faint description]	10	1.00	10.00
26	[Faint description]	5	2.00	10.00
27	[Faint description]	10	1.00	10.00
28	[Faint description]	5	2.00	10.00
29	[Faint description]	10	1.00	10.00
30	[Faint description]	5	2.00	10.00
31	[Faint description]	10	1.00	10.00
32	[Faint description]	5	2.00	10.00
33	[Faint description]	10	1.00	10.00
34	[Faint description]	5	2.00	10.00
35	[Faint description]	10	1.00	10.00
36	[Faint description]	5	2.00	10.00
37	[Faint description]	10	1.00	10.00
38	[Faint description]	5	2.00	10.00
39	[Faint description]	10	1.00	10.00
40	[Faint description]	5	2.00	10.00
41	[Faint description]	10	1.00	10.00
42	[Faint description]	5	2.00	10.00
43	[Faint description]	10	1.00	10.00
44	[Faint description]	5	2.00	10.00
45	[Faint description]	10	1.00	10.00
46	[Faint description]	5	2.00	10.00
47	[Faint description]	10	1.00	10.00
48	[Faint description]	5	2.00	10.00
49	[Faint description]	10	1.00	10.00
50	[Faint description]	5	2.00	10.00

[Signature]

Item No.	Description	Quantity	Unit Price	Total Price
51	[Faint description]	10	1.00	10.00
52	[Faint description]	5	2.00	10.00
53	[Faint description]	10	1.00	10.00
54	[Faint description]	5	2.00	10.00
55	[Faint description]	10	1.00	10.00
56	[Faint description]	5	2.00	10.00
57	[Faint description]	10	1.00	10.00
58	[Faint description]	5	2.00	10.00
59	[Faint description]	10	1.00	10.00
60	[Faint description]	5	2.00	10.00
61	[Faint description]	10	1.00	10.00
62	[Faint description]	5	2.00	10.00
63	[Faint description]	10	1.00	10.00
64	[Faint description]	5	2.00	10.00
65	[Faint description]	10	1.00	10.00
66	[Faint description]	5	2.00	10.00
67	[Faint description]	10	1.00	10.00
68	[Faint description]	5	2.00	10.00
69	[Faint description]	10	1.00	10.00
70	[Faint description]	5	2.00	10.00
71	[Faint description]	10	1.00	10.00
72	[Faint description]	5	2.00	10.00
73	[Faint description]	10	1.00	10.00
74	[Faint description]	5	2.00	10.00
75	[Faint description]	10	1.00	10.00
76	[Faint description]	5	2.00	10.00
77	[Faint description]	10	1.00	10.00
78	[Faint description]	5	2.00	10.00
79	[Faint description]	10	1.00	10.00
80	[Faint description]	5	2.00	10.00

Approved: [Signature]

Date: 10/26/2011

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	10.664.000.000	7.400.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(37.293.656.763)	(31.521.661.780)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.211.564.900)	(43.916.812.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(74.841.221.663)</b>	<b>(68.038.474.380)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>22.705.758.833</b>	<b>6.378.436.575</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>128.614.313.716</b>	<b>122.554.846.979</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		18.016.165	(318.969.838)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>151.338.088.714</b>	<b>128.614.313.716</b>

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬT TƯ  
 CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM  
 Điện thoại: 028.3541.1111

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng giá
1	01	...	...	...	...	...
2	02	...	...	...	...	...
3	03	...	...	...	...	...
4	04	...	...	...	...	...
5	05	...	...	...	...	...
6	06	...	...	...	...	...
7	07	...	...	...	...	...
8	08	...	...	...	...	...
9	09	...	...	...	...	...
10	10	...	...	...	...	...
<b>Tổng cộng</b>						...



CHỖ CHỮ KÝ  
 (Signature line)

CHỖ CHỮ KÝ  
 (Signature line)





# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

##### 5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	51%	51%

# Blank title area in the center of the page.

Blank text block in the upper middle section.

Blank text block in the middle section.

Blank text block in the lower middle section.

Blank text block in the lower section.

Blank text block in the bottom section.

Blank header 1	Blank header 2	Blank header 3	Blank header 4	Blank header 5
Blank cell 1.1	Blank cell 1.2	Blank cell 1.3	Blank cell 1.4	Blank cell 1.5
Blank cell 2.1	Blank cell 2.2	Blank cell 2.3	Blank cell 2.4	Blank cell 2.5
Blank cell 3.1	Blank cell 3.2	Blank cell 3.3	Blank cell 3.4	Blank cell 3.5
Blank cell 4.1	Blank cell 4.2	Blank cell 4.3	Blank cell 4.4	Blank cell 4.5
Blank cell 5.1	Blank cell 5.2	Blank cell 5.3	Blank cell 5.4	Blank cell 5.5
Blank cell 6.1	Blank cell 6.2	Blank cell 6.3	Blank cell 6.4	Blank cell 6.5
Blank cell 7.1	Blank cell 7.2	Blank cell 7.3	Blank cell 7.4	Blank cell 7.5
Blank cell 8.1	Blank cell 8.2	Blank cell 8.3	Blank cell 8.4	Blank cell 8.5
Blank cell 9.1	Blank cell 9.2	Blank cell 9.3	Blank cell 9.4	Blank cell 9.5
Blank cell 10.1	Blank cell 10.2	Blank cell 10.3	Blank cell 10.4	Blank cell 10.5

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Nhóm công ty chi đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có trụ sở chính tại 9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp theo cam kết của Công ty tại công ty liên kết này là 36,00% (tỷ lệ vốn góp thực tế là 40,00%), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu trong đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty có 654 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 667 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that proper record-keeping is essential for the integrity of the financial system and for the ability to detect and prevent fraud. This section also outlines the specific requirements for record retention and the consequences of non-compliance.

2. The second part of the document details the various methods used to collect and analyze data. It describes the use of statistical techniques to identify trends and anomalies in the data. This section also discusses the importance of data security and the measures taken to protect sensitive information from unauthorized access.

3. The third part of the document focuses on the implementation of the proposed system. It provides a detailed description of the hardware and software components required for the system to function effectively. This section also includes a discussion of the training and support needed for users to successfully operate the system.

4. The fourth part of the document discusses the evaluation and monitoring of the system's performance. It describes the various metrics used to assess the system's effectiveness and the methods used to collect and analyze this data. This section also discusses the importance of regular updates and maintenance to ensure the system remains current and secure.

5. The fifth part of the document concludes with a summary of the key findings and recommendations. It emphasizes the need for continued collaboration and communication between all stakeholders involved in the project. This section also provides a final overview of the system's capabilities and the benefits it offers to the organization.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF POLITICAL SCIENCE  
POL 301: THE POLITICAL ECONOMY OF DEVELOPING COUNTRIES  
FALL 2011

1. The first part of the exam asks you to analyze the political economy of a country. You are given a short case study and asked to identify the key actors, interests, and institutions. You are also asked to explain how these factors have shaped the country's political development.

2. The second part of the exam asks you to analyze the political economy of a country. You are given a short case study and asked to identify the key actors, interests, and institutions. You are also asked to explain how these factors have shaped the country's political development.

3. The third part of the exam asks you to analyze the political economy of a country. You are given a short case study and asked to identify the key actors, interests, and institutions. You are also asked to explain how these factors have shaped the country's political development.

4. The fourth part of the exam asks you to analyze the political economy of a country. You are given a short case study and asked to identify the key actors, interests, and institutions. You are also asked to explain how these factors have shaped the country's political development.

5. The fifth part of the exam asks you to analyze the political economy of a country. You are given a short case study and asked to identify the key actors, interests, and institutions. You are also asked to explain how these factors have shaped the country's political development.

6. The sixth part of the exam asks you to analyze the political economy of a country. You are given a short case study and asked to identify the key actors, interests, and institutions. You are also asked to explain how these factors have shaped the country's political development.

11  
10  
9  
8  
7  
6  
5  
4  
3  
2  
1



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, được bảo quản ở tình trạng tốt và không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or header.

First main paragraph of handwritten text.

Second main paragraph of handwritten text.

Third main paragraph of handwritten text.

Fourth main paragraph of handwritten text.

Fifth main paragraph of handwritten text.

Sixth main paragraph of handwritten text.

Seventh main paragraph of handwritten text.

Eighth main paragraph of handwritten text.

Ninth main paragraph of handwritten text.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **Chi phí bảo hiểm**

Chi phí bảo hiểm bao gồm chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo thời gian trên giấy chứng nhận bảo hiểm.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## **9. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **10. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

## **11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5408 SOUTH DICKENS STREET  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

TO: \_\_\_\_\_  
FROM: \_\_\_\_\_  
SUBJECT: \_\_\_\_\_

The following information is being furnished to you for your information and use. It is the property of the University of Chicago and is not to be distributed outside your organization.

This information is being furnished to you for your information and use. It is the property of the University of Chicago and is not to be distributed outside your organization.

This information is being furnished to you for your information and use. It is the property of the University of Chicago and is not to be distributed outside your organization.

This information is being furnished to you for your information and use. It is the property of the University of Chicago and is not to be distributed outside your organization.

1 - Mr. \_\_\_\_\_  
1 - Mr. \_\_\_\_\_  
1 - Mr. \_\_\_\_\_  
1 - Mr. \_\_\_\_\_  
1 - Mr. \_\_\_\_\_  
1 - Mr. \_\_\_\_\_  
1 - Mr. \_\_\_\_\_  
1 - Mr. \_\_\_\_\_

This information is being furnished to you for your information and use. It is the property of the University of Chicago and is not to be distributed outside your organization.

This information is being furnished to you for your information and use. It is the property of the University of Chicago and is not to be distributed outside your organization.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### **12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### **14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **15. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor. The letter is dated 10/10/10 and is addressed to the editor of the journal. The author expresses his gratitude for the editor's invitation to submit his work for consideration. He also mentions that he has received the editor's response regarding the manuscript and is pleased to hear that it has been accepted for publication. The author concludes the letter by expressing his hope that the journal will find his work interesting and useful to its readers.

2. The second part of the document is the abstract of the paper. The abstract is a brief summary of the main points of the paper and is intended to provide a quick overview of the research. The abstract is written in a clear and concise manner and is easy to read. It includes the title of the paper, the author's name, and a short description of the research. The abstract is followed by the main body of the paper, which is divided into several sections.

3. The third part of the document is the introduction. The introduction is the first section of the paper and is intended to provide a general overview of the research. It includes the title of the paper, the author's name, and a short description of the research. The introduction is followed by the main body of the paper, which is divided into several sections.

- The first section of the introduction is the title of the paper. The title is a brief statement of the main topic of the research and is intended to attract the reader's attention.
- The second section of the introduction is the author's name. The author's name is listed at the end of the title and is intended to identify the person who conducted the research.
- The third section of the introduction is a short description of the research. This section provides a brief overview of the main points of the paper and is intended to provide a quick overview of the research.
- The fourth section of the introduction is the main body of the paper. The main body of the paper is divided into several sections, each of which discusses a different aspect of the research.

4. The fourth part of the document is the conclusion. The conclusion is the final section of the paper and is intended to provide a summary of the main findings of the research. It includes a brief overview of the research and a statement of the author's conclusions. The conclusion is followed by the references, which are a list of the sources that the author has used in his research. The references are listed in alphabetical order and include the title of the source, the author's name, and the year of publication. The references are followed by the appendix, which is a collection of additional information that is related to the research but is not included in the main body of the paper. The appendix is divided into several sections, each of which contains a different type of information. The appendix is followed by the index, which is a list of the pages in the paper and is intended to help the reader find the information that they are looking for. The index is followed by the bibliography, which is a list of the sources that the author has used in his research. The bibliography is listed in alphabetical order and includes the title of the source, the author's name, and the year of publication. The bibliography is followed by the end of the paper.

5. The fifth part of the document is the references. The references are a list of the sources that the author has used in his research. The references are listed in alphabetical order and include the title of the source, the author's name, and the year of publication. The references are followed by the appendix, which is a collection of additional information that is related to the research but is not included in the main body of the paper. The appendix is divided into several sections, each of which contains a different type of information. The appendix is followed by the index, which is a list of the pages in the paper and is intended to help the reader find the information that they are looking for. The index is followed by the bibliography, which is a list of the sources that the author has used in his research. The bibliography is listed in alphabetical order and includes the title of the source, the author's name, and the year of publication. The bibliography is followed by the end of the paper.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor of the journal. The letter discusses the author's interest in the topic and the reasons for writing the paper. It also mentions the author's previous work in the field and expresses hope that the journal will find the paper interesting and useful.

2. The second part of the document is the abstract of the paper. It provides a brief summary of the main findings and conclusions of the study. The abstract is written in a concise and clear manner, highlighting the key points of the research.

3. The third part of the document is the introduction. It sets the context for the study and outlines the research objectives. The introduction also discusses the significance of the study and the contributions it aims to make to the field.

4. The fourth part of the document is the literature review. It provides a comprehensive overview of the existing research on the topic. The literature review identifies the gaps in the current knowledge and highlights the areas that the study aims to address.

5. The fifth part of the document is the methodology. It describes the research design, data collection methods, and statistical analyses used in the study. The methodology section is written in a detailed and systematic manner, ensuring that the study can be replicated by other researchers.

6. The sixth part of the document is the results. It presents the findings of the study in a clear and organized manner. The results are supported by statistical evidence and are discussed in the context of the research objectives and the existing literature.

7. The seventh part of the document is the discussion. It interprets the results of the study and discusses their implications for the field. The discussion also addresses the limitations of the study and suggests directions for future research.

8. The eighth part of the document is the conclusion. It summarizes the main findings of the study and reiterates the contributions it has made. The conclusion is written in a concise and impactful manner, leaving a lasting impression on the reader.

9. The ninth part of the document is the references. It lists the sources of information used in the study, including books, journal articles, and other relevant materials. The references are formatted according to the journal's guidelines.

10. The tenth part of the document is the appendix. It contains supplementary information that is not included in the main text of the paper. The appendix may include raw data, detailed calculations, or other relevant materials.

11. The eleventh part of the document is the acknowledgments. It expresses gratitude to the individuals and organizations that provided support and assistance during the course of the study. The acknowledgments are written in a sincere and appreciative manner.

12. The twelfth part of the document is the author's biography. It provides a brief overview of the author's background, education, and professional experience. The biography is written in a professional and informative manner.

13. The thirteenth part of the document is the contact information. It provides the author's name, address, and contact details, including a telephone number and an email address. This information is provided so that interested parties can reach out to the author for further information.

14. The fourteenth part of the document is the declaration of interest. It states whether the author has any potential conflicts of interest that could influence the results of the study. The declaration is written in a clear and transparent manner.

15. The fifteenth part of the document is the funding statement. It identifies the sources of funding that supported the study. The funding statement is written in a clear and concise manner.

16. The sixteenth part of the document is the ethical approval statement. It states whether the study has been approved by an ethics committee and provides details of the approval process. The statement is written in a clear and concise manner.

17. The seventeenth part of the document is the data availability statement. It states whether the data generated during the study are available for other researchers to access. The statement is written in a clear and concise manner.

18. The eighteenth part of the document is the author's disclosures. It provides information about any potential conflicts of interest, financial disclosures, or other relevant information. The disclosures are written in a clear and concise manner.

19. The nineteenth part of the document is the author's disclosures. It provides information about any potential conflicts of interest, financial disclosures, or other relevant information. The disclosures are written in a clear and concise manner.

20. The twentieth part of the document is the author's disclosures. It provides information about any potential conflicts of interest, financial disclosures, or other relevant information. The disclosures are written in a clear and concise manner.

21. The twenty-first part of the document is the author's disclosures. It provides information about any potential conflicts of interest, financial disclosures, or other relevant information. The disclosures are written in a clear and concise manner.

22. The twenty-second part of the document is the author's disclosures. It provides information about any potential conflicts of interest, financial disclosures, or other relevant information. The disclosures are written in a clear and concise manner.

23. The twenty-third part of the document is the author's disclosures. It provides information about any potential conflicts of interest, financial disclosures, or other relevant information. The disclosures are written in a clear and concise manner.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

The first part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the solid state. This includes the study of the crystal structure of solids, the nature of the interatomic forces, and the properties of the various types of crystals. The second part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the liquid state. This includes the study of the structure of liquids, the nature of the intermolecular forces, and the properties of the various types of liquids.

The third part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the gaseous state. This includes the study of the structure of gases, the nature of the intermolecular forces, and the properties of the various types of gases. The fourth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the plasma state. This includes the study of the structure of plasmas, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of plasmas.

The fifth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the condensed state. This includes the study of the structure of condensed matter, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of condensed matter. The sixth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids.

The seventh part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superconducting state. This includes the study of the structure of superconductors, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superconductors. The eighth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids.

The ninth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids. The tenth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids.

The eleventh part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids. The twelfth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids.

The thirteenth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids. The fourteenth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids.

The fifteenth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids. The sixteenth part of the course is devoted to the study of the properties of matter in the superfluid state. This includes the study of the structure of superfluids, the nature of the interparticle forces, and the properties of the various types of superfluids.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.324.178.313	2.090.089.160
Tiền gửi ngân hàng	45.013.910.401	44.524.224.556
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	105.000.000.000	82.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>151.338.088.714</u></b>	<b><u>128.614.313.716</u></b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

###### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 – 9 tháng, lãi suất từ 3,1% - 7,5%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

###### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Express.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	3.600.000.000	3.600.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(1.005.097.669)	(716.086.904)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.594.902.331</u></b>	<b><u>2.883.913.096</u></b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316787129 ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Công ty cam kết góp 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Express 3.600.000.000 VND, sở hữu 360.000 cổ phần tương đương 40% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 14.400.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.883.913.096	-
Góp vốn	-	3.600.000.000
Phân lãi hoặc lỗ	(289.010.765)	(716.086.904)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.594.902.331</u></b>	<b><u>2.883.913.096</u></b>

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa nhóm Công ty với công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Tân Cảng Express</b>		
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	3.600.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	44.000.000

Handwritten notes at the top of the page, including a date and some illegible text.

Section header or introductory text, possibly starting with "The following..."

Text block containing several lines of handwritten notes, possibly a list or a short paragraph.

Text block with more handwritten notes, appearing to be a continuation of the previous section.

Text block containing a few lines of handwritten notes, possibly a summary or conclusion.

Text block with handwritten notes, possibly a separate section or a detailed note.

Text block containing handwritten notes, possibly a list of items or a detailed description.

Text block with handwritten notes, possibly a final paragraph or a note.

Text block containing handwritten notes, possibly a signature or a date.

Text block with handwritten notes at the bottom of the page, possibly a footer or a final note.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>29.107.883.377</i></b>	<b><i>50.424.687.670</i></b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	26.942.467.487	47.172.230.290
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	56.552.040	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.104.629.000	491.132.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	125.661.510	198.540.180
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	193.480.000	2.519.415.200
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	458.439.320	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	2.782.020	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	223.872.000	-
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	34.190.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	-	9.180.000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>59.731.331.148</i></b>	<b><i>51.685.433.778</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>88.839.214.525</u></b>	<b><u>102.110.121.448</u></b>

#### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho bên liên quan</i></b>	<b><i>1.801.227.243</i></b>	<b><i>1.755.539.280</i></b>
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.728.356.403	1.755.539.280
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	72.870.840	-
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b><i>3.954.454.826</i></b>	<b><i>11.167.359.499</i></b>
Công ty TNHH Hiệp Lực	-	6.755.255.999
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico	-	2.068.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Á Long	-	1.524.400.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ khí Asean	2.781.200.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.173.254.826	819.703.500
<b>Cộng</b>	<b><u>5.755.682.069</u></b>	<b><u>12.922.898.779</u></b>

Year	Month	Day	Event
1990	Jan	1	...
1990	Jan	2	...
1990	Jan	3	...
1990	Jan	4	...
1990	Jan	5	...
1990	Jan	6	...
1990	Jan	7	...
1990	Jan	8	...
1990	Jan	9	...
1990	Jan	10	...
1990	Jan	11	...
1990	Jan	12	...
1990	Jan	13	...
1990	Jan	14	...
1990	Jan	15	...
1990	Jan	16	...
1990	Jan	17	...
1990	Jan	18	...
1990	Jan	19	...
1990	Jan	20	...
1990	Jan	21	...
1990	Jan	22	...
1990	Jan	23	...
1990	Jan	24	...
1990	Jan	25	...
1990	Jan	26	...
1990	Jan	27	...
1990	Jan	28	...
1990	Jan	29	...
1990	Jan	30	...
1990	Jan	31	...

1990-1991

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.089.137.950</b>	-	<b>2.159.615.471</b>	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, thu chi hộ	2.083.337.950	-	2.130.328.071	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - các khoản chi hộ	5.800.000	-	29.287.400	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>9.674.044.657 (375.959.956)</b>		<b>8.143.568.006 (70.015.478)</b>	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.099.957.534	-	2.148.207.498	-
Ký cược, ký quỹ	230.700.000	-	137.700.000	-
Tạm ứng	3.101.024.997	-	2.840.036.793	-
Các khoản chi hộ	3.714.433.021 (375.959.956)		2.925.236.031 (70.015.478)	
Các khoản phải thu khác	527.929.105	-	92.387.684	-
<b>Cộng</b>	<b>11.763.182.607 (375.959.956)</b>		<b>10.303.183.477 (70.015.478)</b>	

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hiệp Lực – Đặt cọc tiền thuê đất (Xem thuyết minh VII.1)	15.000.000.000	-	-	-

**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu	Trên 3 năm	441.997.000	(441.997.000)	441.997.000	(441.997.000)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)	2.972.614.417	(2.972.614.417)
Công ty TNHH TMDV Giao nhận Vận tải Haco	Trên 3 năm	101.894.200	(101.894.200)	125.997.000	(125.997.000)
Công ty Cổ phần Thương mại MDK	Trên 3 năm	169.820.000	(169.820.000)	223.920.000	(156.744.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Trung Phát	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.214.976.609	(850.483.626)	-	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hiệp Toàn	Trên 3 năm	721.400.000	(721.400.000)	721.400.000	(721.400.000)
Các khách hàng khác		1.879.321.950	(1.714.237.260)	1.423.011.982	(1.254.746.470)
<b>Cộng</b>		<b>7.502.024.176</b>	<b>(6.972.446.503)</b>	<b>5.908.940.399</b>	<b>(5.673.498.887)</b>

1. The first part of the document is a list of names and addresses. This list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in alphabetical order.

Name	Address
Mr. John Doe	123 Main St, New York, NY
Mr. James Smith	456 Elm St, New York, NY
Mr. Robert Johnson	789 Oak St, New York, NY
Mr. William Brown	101 Pine St, New York, NY
Mr. Charles White	202 Cedar St, New York, NY
Mr. Thomas Green	303 Birch St, New York, NY
Mr. Richard Black	404 Spruce St, New York, NY
Mr. Daniel Hill	505 Ash St, New York, NY
Mr. Matthew King	606 Willow St, New York, NY
Mr. Christopher Lee	707 Hickory St, New York, NY
Mr. Benjamin Walker	808 Sycamore St, New York, NY
Mr. Joseph Hall	909 Magnolia St, New York, NY
Mr. Gregory Young	1010 Dogwood St, New York, NY
Mr. Steven Adams	1111 Redwood St, New York, NY
Mr. Paul Baker	1212 Cypress St, New York, NY
Mr. Andrew Nelson	1313 Juniper St, New York, NY
Mr. Christopher King	1414 Fir St, New York, NY
Mr. Benjamin Lee	1515 Spruce St, New York, NY
Mr. Joseph King	1616 Cedar St, New York, NY
Mr. Steven King	1717 Birch St, New York, NY
Mr. Paul King	1818 Ash St, New York, NY
Mr. Andrew King	1919 Willow St, New York, NY
Mr. Christopher King	2020 Hickory St, New York, NY
Mr. Benjamin King	2121 Sycamore St, New York, NY
Mr. Joseph King	2222 Magnolia St, New York, NY
Mr. Steven King	2323 Dogwood St, New York, NY
Mr. Paul King	2424 Redwood St, New York, NY
Mr. Andrew King	2525 Cypress St, New York, NY
Mr. Christopher King	2626 Juniper St, New York, NY
Mr. Benjamin King	2727 Fir St, New York, NY
Mr. Joseph King	2828 Spruce St, New York, NY
Mr. Steven King	2929 Cedar St, New York, NY
Mr. Paul King	3030 Birch St, New York, NY
Mr. Andrew King	3131 Ash St, New York, NY
Mr. Christopher King	3232 Willow St, New York, NY
Mr. Benjamin King	3333 Hickory St, New York, NY
Mr. Joseph King	3434 Sycamore St, New York, NY
Mr. Steven King	3535 Magnolia St, New York, NY
Mr. Paul King	3636 Dogwood St, New York, NY
Mr. Andrew King	3737 Redwood St, New York, NY
Mr. Christopher King	3838 Cypress St, New York, NY
Mr. Benjamin King	3939 Juniper St, New York, NY
Mr. Joseph King	4040 Fir St, New York, NY
Mr. Steven King	4141 Spruce St, New York, NY
Mr. Paul King	4242 Cedar St, New York, NY
Mr. Andrew King	4343 Birch St, New York, NY
Mr. Christopher King	4444 Ash St, New York, NY
Mr. Benjamin King	4545 Willow St, New York, NY
Mr. Joseph King	4646 Hickory St, New York, NY
Mr. Steven King	4747 Sycamore St, New York, NY
Mr. Paul King	4848 Magnolia St, New York, NY
Mr. Andrew King	4949 Dogwood St, New York, NY
Mr. Christopher King	5050 Redwood St, New York, NY

2. The second part of the document is a list of names and addresses. This list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in alphabetical order.

Name	Address
Mr. John Doe	123 Main St, New York, NY
Mr. James Smith	456 Elm St, New York, NY
Mr. Robert Johnson	789 Oak St, New York, NY
Mr. William Brown	101 Pine St, New York, NY
Mr. Charles White	202 Cedar St, New York, NY
Mr. Thomas Green	303 Birch St, New York, NY
Mr. Richard Black	404 Spruce St, New York, NY
Mr. Daniel Hill	505 Ash St, New York, NY
Mr. Matthew King	606 Willow St, New York, NY
Mr. Christopher Lee	707 Hickory St, New York, NY
Mr. Benjamin Walker	808 Sycamore St, New York, NY
Mr. Joseph Hall	909 Magnolia St, New York, NY
Mr. Gregory Young	1010 Dogwood St, New York, NY
Mr. Steven Adams	1111 Redwood St, New York, NY
Mr. Paul Baker	1212 Cypress St, New York, NY
Mr. Andrew Nelson	1313 Juniper St, New York, NY
Mr. Christopher King	1414 Fir St, New York, NY
Mr. Benjamin Lee	1515 Spruce St, New York, NY
Mr. Joseph King	1616 Cedar St, New York, NY
Mr. Steven King	1717 Birch St, New York, NY
Mr. Paul King	1818 Ash St, New York, NY
Mr. Andrew King	1919 Willow St, New York, NY
Mr. Christopher King	2020 Hickory St, New York, NY
Mr. Benjamin King	2121 Sycamore St, New York, NY
Mr. Joseph King	2222 Magnolia St, New York, NY
Mr. Steven King	2323 Dogwood St, New York, NY
Mr. Paul King	2424 Redwood St, New York, NY
Mr. Andrew King	2525 Cypress St, New York, NY
Mr. Christopher King	2626 Juniper St, New York, NY
Mr. Benjamin King	2727 Fir St, New York, NY
Mr. Joseph King	2828 Spruce St, New York, NY
Mr. Steven King	2929 Cedar St, New York, NY
Mr. Paul King	3030 Birch St, New York, NY
Mr. Andrew King	3131 Ash St, New York, NY
Mr. Christopher King	3232 Willow St, New York, NY
Mr. Benjamin King	3333 Hickory St, New York, NY
Mr. Joseph King	3434 Sycamore St, New York, NY
Mr. Steven King	3535 Magnolia St, New York, NY
Mr. Paul King	3636 Dogwood St, New York, NY
Mr. Andrew King	3737 Redwood St, New York, NY
Mr. Christopher King	3838 Cypress St, New York, NY
Mr. Benjamin King	3939 Juniper St, New York, NY
Mr. Joseph King	4040 Fir St, New York, NY
Mr. Steven King	4141 Spruce St, New York, NY
Mr. Paul King	4242 Cedar St, New York, NY
Mr. Andrew King	4343 Birch St, New York, NY
Mr. Christopher King	4444 Ash St, New York, NY
Mr. Benjamin King	4545 Willow St, New York, NY
Mr. Joseph King	4646 Hickory St, New York, NY
Mr. Steven King	4747 Sycamore St, New York, NY
Mr. Paul King	4848 Magnolia St, New York, NY
Mr. Andrew King	4949 Dogwood St, New York, NY
Mr. Christopher King	5050 Redwood St, New York, NY

3. The third part of the document is a list of names and addresses. This list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in alphabetical order.

4. The fourth part of the document is a list of names and addresses. This list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in alphabetical order.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.673.498.887	6.170.196.885
Trích lập dự phòng bổ sung	1.380.030.116	142.172.001
Hoàn nhập dự phòng	(81.082.500)	(638.869.999)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>6.972.446.503</u></b>	<b><u>5.673.498.887</u></b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.254.369.076	5.167.676.548
Công cụ, dụng cụ	406.008.141	215.860.709
Hàng hóa	108.809.754	267.560.067
<b>Cộng</b>	<b><u>7.769.186.971</u></b>	<b><u>5.651.097.324</u></b>
<b>8. Chi phí trả trước</b>		
<b>8a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.183.912.076	2.063.242.104
Chi phí sửa chữa	5.362.546.809	5.507.574.095
Chi phí bảo hiểm	1.536.865.930	4.574.904.845
Các chi phí khác	776.733.750	465.271.622
<b>Cộng</b>	<b><u>12.860.058.565</u></b>	<b><u>12.610.992.666</u></b>
<b>8b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.982.602.772	2.071.737.785
Chi phí sửa chữa	14.901.194.874	12.860.303.542
Các chi phí khác	2.018.859.309	3.146.794.055
<b>Cộng</b>	<b><u>21.902.656.955</u></b>	<b><u>18.078.835.382</u></b>

...

...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...
...	...	...

...

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	172.530.944.551	277.689.290.178	235.694.830.089	4.905.225.743	58.644.031.916	749.464.322.477
Mua trong năm	-	12.359.569.704	16.460.000.000	3.458.699.400	-	32.278.269.104
Thanh lý nhượng bán	-	-	(28.358.404.761)	-	-	(28.358.404.761)
<b>Số cuối năm</b>	<b>172.530.944.551</b>	<b>290.048.859.882</b>	<b>223.796.425.328</b>	<b>8.363.925.143</b>	<b>58.644.031.916</b>	<b>753.384.186.820</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.922.613.962	153.891.525.378	152.753.774.248	4.823.425.743	44.174.082.947	404.565.422.278
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	91.022.810.198	226.479.415.110	216.097.586.303	4.835.355.737	50.071.979.221	588.507.146.569
Khấu hao trong năm	8.463.269.568	17.624.446.421	9.946.708.167	369.717.280	3.008.300.045	39.412.441.481
Thanh lý nhượng bán	-	-	(28.096.385.730)	-	-	(28.096.385.730)
<b>Số cuối năm</b>	<b>99.486.079.766</b>	<b>244.103.861.531</b>	<b>197.947.908.740</b>	<b>5.205.073.017</b>	<b>53.080.279.266</b>	<b>599.823.202.320</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	81.508.134.353	51.209.875.068	19.597.243.786	69.870.006	8.572.052.695	160.957.175.908
<b>Số cuối năm</b>	<b>73.044.864.785</b>	<b>45.944.998.351</b>	<b>25.848.516.588</b>	<b>3.158.852.126</b>	<b>5.563.752.650</b>	<b>153.560.984.500</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 66.763.542.985 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.





1. **Project Name:** [Faint text]

2. **Project Number:** [Faint text]

3. **Project Manager:** [Faint text]

4. **Project Start Date:** [Faint text]

5. **Project End Date:** [Faint text]

6. **Project Location:** [Faint text]

7. **Project Budget:** [Faint text]

8. **Project Status:** [Faint text]

9. **Project Description:** [Faint text]

10. **Project Objectives:** [Faint text]

11. **Project Deliverables:** [Faint text]

12. **Project Risks:** [Faint text]

13. **Project Stakeholders:** [Faint text]

14. **Project Communication Plan:** [Faint text]

15. **Project Milestones:** [Faint text]

16. **Project Schedule:** [Faint text]

17. **Project Budget Breakdown:** [Faint text]

18. **Project Performance Metrics:** [Faint text]

19. **Project Quality Assurance:** [Faint text]

20. **Project Risk Management:** [Faint text]

21. **Project Change Management:** [Faint text]

22. **Project Closure:** [Faint text]

23. **Project Post-Mortem:** [Faint text]

24. **Project Summary:** [Faint text]

25. **Project Conclusion:** [Faint text]

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	17.722.654.958	(9.550.900.000)	8.171.754.958
Mua trong năm	7.943.566.367	-	7.943.566.367
Khấu hao trong năm	-	(3.424.944.871)	(3.424.944.871)
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.666.221.325</b>	<b>(12.975.844.871)</b>	<b>12.690.376.454</b>

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 6.979.932.800 VND.

#### 11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

##### 11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.021.848.874	1.065.646.778
Phát sinh trong năm	732.080.514	1.021.848.874
Hoàn nhập trong năm	(1.021.848.874)	(1.065.646.778)
<b>Số cuối năm</b>	<b>732.080.514</b>	<b>1.021.848.874</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

##### 11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, do phát sinh nhỏ.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5700 S. UNIVERSITY AVENUE  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

DATE: \_\_\_\_\_

TO: \_\_\_\_\_

FROM: \_\_\_\_\_

AMOUNT	DATE
100.00	1/15/77
200.00	2/15/77
300.00	3/15/77
400.00	4/15/77
500.00	5/15/77

THIS CHECK IS VALID FOR 90 DAYS FROM THE DATE OF ISSUANCE.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
OFFICE OF THE TREASURER  
5700 S. UNIVERSITY AVENUE  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>15.427.126.827</b>	<b>18.745.744.211</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	757.691.138	1.119.210.709
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.604.925.844	10.022.767.780
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	5.132.407.384	3.903.704.378
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	81.825.062	316.850.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	7.471.440	30.299.400
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	620.800.400	539.672.598
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.043.147.360	1.278.249.521
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	19.452.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	-	49.137.840
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	166.737.960	299.763.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	374.868.439	709.929.052
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	347.831.000	408.195.212
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	1.860.000	4.340.001
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	198.882.000	44.172.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	88.678.800	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>55.208.179.316</b>	<b>34.387.412.822</b>
<b>Cộng</b>	<b>70.635.306.143</b>	<b>53.133.157.033</b>

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.484.303.717	-	41.208.704.194	(43.078.719.478)	614.288.433	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.863.663.783	-	28.960.516.195	(20.241.374.397)	11.582.805.581	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	648.732.750	-	773.002.611	(1.421.735.361)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.426.742.734	14.009.824	8.771.140.025	(8.266.905.769)	1.974.780.306	57.813.140
Lệ phí môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.657.641	273.078.233	(273.078.233)	-	12.657.641
<b>Cộng</b>	<b>7.423.442.984</b>	<b>26.667.465</b>	<b>79.994.441.258</b>	<b>(73.289.813.238)</b>	<b>14.171.874.320</b>	<b>70.470.781</b>

1. The first part of the report is a general introduction to the project. It should include the title, the objectives, the scope, and the significance of the project.

2. The second part of the report is the literature review.

Author	Year	Title
Smith	2010	The impact of climate change on the environment
Johnson	2011	The effects of global warming on the world's oceans
Williams	2012	The role of renewable energy in reducing carbon emissions
Brown	2013	The impact of deforestation on the world's biodiversity
Green	2014	The effects of air pollution on human health
White	2015	The impact of climate change on the world's agriculture
Black	2016	The effects of sea level rise on coastal cities
Grey	2017	The role of water conservation in reducing water usage
Blue	2018	The impact of climate change on the world's forests
Yellow	2019	The effects of acid rain on the environment
Pink	2020	The impact of climate change on the world's glaciers
Red	2021	The effects of ozone depletion on the environment
Orange	2022	The impact of climate change on the world's wetlands
Green	2023	The effects of climate change on the world's coral reefs
Blue	2024	The impact of climate change on the world's mountains
Yellow	2025	The effects of climate change on the world's rivers
Pink	2026	The impact of climate change on the world's lakes
Red	2027	The effects of climate change on the world's oceans
Orange	2028	The impact of climate change on the world's atmosphere
Green	2029	The effects of climate change on the world's biosphere
Blue	2030	The impact of climate change on the world's geosphere
Yellow	2031	The effects of climate change on the world's hydrosphere
Pink	2032	The impact of climate change on the world's lithosphere
Red	2033	The effects of climate change on the world's atmosphere
Orange	2034	The impact of climate change on the world's biosphere
Green	2035	The effects of climate change on the world's geosphere
Blue	2036	The impact of climate change on the world's hydrosphere
Yellow	2037	The effects of climate change on the world's lithosphere
Pink	2038	The impact of climate change on the world's atmosphere
Red	2039	The effects of climate change on the world's biosphere
Orange	2040	The impact of climate change on the world's geosphere
Green	2041	The effects of climate change on the world's hydrosphere
Blue	2042	The impact of climate change on the world's lithosphere
Yellow	2043	The effects of climate change on the world's atmosphere
Pink	2044	The impact of climate change on the world's biosphere
Red	2045	The effects of climate change on the world's geosphere
Orange	2046	The impact of climate change on the world's hydrosphere
Green	2047	The effects of climate change on the world's lithosphere
Blue	2048	The impact of climate change on the world's atmosphere
Yellow	2049	The effects of climate change on the world's biosphere
Pink	2050	The impact of climate change on the world's geosphere

3. The third part of the report is the methodology.

Method	Description
Interviews	Conducting interviews with experts in the field of climate change.
Surveys	Distributing surveys to a large number of people to gather their opinions on climate change.
Focus groups	Organizing focus groups to discuss the impact of climate change on the environment.
Case studies	Studying specific cases of climate change to understand its effects on the environment.
Experiments	Conducting experiments to test the effects of different climate change scenarios.
Observations	Observing the effects of climate change on the environment over time.
Modeling	Using computer models to simulate the effects of climate change on the environment.
Analysis	Analyzing the data collected from the various methods to identify trends and patterns.
Reporting	Writing a report that summarizes the findings of the study and provides recommendations for action.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8 % và 10%
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10 %

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>1.435.299.045</b>	<b>784.158.906</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	1.313.585.934	711.575.450
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	-	20.657.456
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xây dựng Tân Cảng - Chi phí vận chuyển	119.505.111	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	-	50.250.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí nâng hạ	2.208.000	1.676.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>5.210.152.641</b>	<b>4.894.697.864</b>
Chi phí lãi vay phải trả	43.778.620	49.884.269
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	3.423.886.912	3.766.762.696
Chi phí hoa hồng	771.647.775	273.015.792
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	970.839.334	805.035.107
<b>Cộng</b>	<b><u>6.645.451.686</u></b>	<b><u>5.678.856.770</u></b>

1. Định nghĩa và phân loại  
 2. Nguyên nhân và hậu quả  
 3. Biện pháp phòng ngừa và khắc phục

Trong quá trình nghiên cứu, chúng ta đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Các số liệu thống kê cho thấy mức độ phổ biến của vấn đề nghiên cứu đang gia tăng đáng kể trong những năm gần đây. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có những biện pháp kịp thời để giải quyết.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, chúng ta cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành phần liên quan. Việc thu thập dữ liệu cần phải được thực hiện một cách cẩn thận và chính xác. Đồng thời, việc phân tích và diễn giải kết quả cũng cần phải dựa trên những cơ sở khoa học vững chắc.

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy rằng, nguyên nhân chính dẫn đến sự phát sinh của vấn đề là do sự thiếu hụt về mặt kỹ thuật và nhân lực. Điều này đòi hỏi chúng ta cần phải có những biện pháp đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên.

STT	Họ và Tên	Đơn vị	Chức vụ	Ngày
1	Nguyễn Văn A	Phòng Kỹ Thuật	Trưởng Bộ Phận	15/05/2024
2	Trần Thị B	Phòng Kế Toán	Trưởng Bộ Phận	16/05/2024
3	Đỗ Văn C	Phòng Kinh Doanh	Trưởng Bộ Phận	17/05/2024
4	Nguyễn Thị D	Phòng Nhân Sự	Trưởng Bộ Phận	18/05/2024
5	Trần Văn E	Phòng Công Nghệ Thông Tin	Trưởng Bộ Phận	19/05/2024
6	Đỗ Thị F	Phòng Pháp Luật	Trưởng Bộ Phận	20/05/2024
7	Nguyễn Văn G	Phòng Quản Lý Chất Lượng	Trưởng Bộ Phận	21/05/2024
8	Trần Thị H	Phòng Hành Chính Tổng Hợp	Trưởng Bộ Phận	22/05/2024
9	Đỗ Văn I	Phòng Bảo Vệ An Toàn	Trưởng Bộ Phận	23/05/2024
10	Nguyễn Thị J	Phòng Kế Hoạch Kinh Doanh	Trưởng Bộ Phận	24/05/2024
11	Trần Văn K	Phòng Nghiên Cứu và Phát Triển	Trưởng Bộ Phận	25/05/2024
12	Đỗ Thị L	Phòng Tài Chính - Kế Toán	Trưởng Bộ Phận	26/05/2024
13	Nguyễn Văn M	Phòng Marketing	Trưởng Bộ Phận	27/05/2024
14	Trần Thị N	Phòng Chăm Sóc Khách Hàng	Trưởng Bộ Phận	28/05/2024
15	Đỗ Văn O	Phòng Đào Tạo và Phát Triển Nhân Lực	Trưởng Bộ Phận	29/05/2024
16	Nguyễn Thị P	Phòng Quản Lý Rủi Ro	Trưởng Bộ Phận	30/05/2024
17	Trần Văn Q	Phòng Hợp Tác Kinh Doanh	Trưởng Bộ Phận	31/05/2024
18	Đỗ Thị R	Phòng Quản Lý Dự Án	Trưởng Bộ Phận	01/06/2024
19	Nguyễn Văn S	Phòng Quản Lý Chuỗi Cung Ứng	Trưởng Bộ Phận	02/06/2024
20	Trần Thị T	Phòng Quản Lý Tài Sản	Trưởng Bộ Phận	03/06/2024
21	Đỗ Văn U	Phòng Quản Lý Môi Trường	Trưởng Bộ Phận	04/06/2024
22	Nguyễn Thị V	Phòng Quản Lý Hệ Thống Thông Tin	Trưởng Bộ Phận	05/06/2024
23	Trần Văn X	Phòng Quản Lý Chất Lượng Sản Phẩm	Trưởng Bộ Phận	06/06/2024
24	Đỗ Thị Y	Phòng Quản Lý Nguồn Nhân Lực	Trưởng Bộ Phận	07/06/2024
25	Nguyễn Văn Z	Phòng Quản Lý Tài Chính	Trưởng Bộ Phận	08/06/2024
26	Trần Thị AA	Phòng Quản Lý Marketing	Trưởng Bộ Phận	09/06/2024
27	Đỗ Văn BB	Phòng Quản Lý Chăm Sóc Khách Hàng	Trưởng Bộ Phận	10/06/2024
28	Nguyễn Thị CC	Phòng Quản Lý Đào Tạo và Phát Triển Nhân Lực	Trưởng Bộ Phận	11/06/2024
29	Trần Văn DD	Phòng Quản Lý Rủi Ro	Trưởng Bộ Phận	12/06/2024
30	Đỗ Thị EE	Phòng Quản Lý Hợp Tác Kinh Doanh	Trưởng Bộ Phận	13/06/2024
31	Nguyễn Văn FF	Phòng Quản Lý Dự Án	Trưởng Bộ Phận	14/06/2024
32	Trần Thị GG	Phòng Quản Lý Chuỗi Cung Ứng	Trưởng Bộ Phận	15/06/2024
33	Đỗ Văn HH	Phòng Quản Lý Tài Sản	Trưởng Bộ Phận	16/06/2024
34	Nguyễn Thị II	Phòng Quản Lý Môi Trường	Trưởng Bộ Phận	17/06/2024
35	Trần Văn JJ	Phòng Quản Lý Hệ Thống Thông Tin	Trưởng Bộ Phận	18/06/2024
36	Đỗ Thị KK	Phòng Quản Lý Chất Lượng Sản Phẩm	Trưởng Bộ Phận	19/06/2024
37	Nguyễn Văn LL	Phòng Quản Lý Nguồn Nhân Lực	Trưởng Bộ Phận	20/06/2024
38	Trần Thị MM	Phòng Quản Lý Tài Chính	Trưởng Bộ Phận	21/06/2024
39	Đỗ Văn NN	Phòng Quản Lý Marketing	Trưởng Bộ Phận	22/06/2024
40	Nguyễn Thị OO	Phòng Quản Lý Chăm Sóc Khách Hàng	Trưởng Bộ Phận	23/06/2024
41	Trần Văn PP	Phòng Quản Lý Đào Tạo và Phát Triển Nhân Lực	Trưởng Bộ Phận	24/06/2024
42	Đỗ Thị QQ	Phòng Quản Lý Rủi Ro	Trưởng Bộ Phận	25/06/2024
43	Nguyễn Văn RR	Phòng Quản Lý Hợp Tác Kinh Doanh	Trưởng Bộ Phận	26/06/2024
44	Trần Thị SS	Phòng Quản Lý Dự Án	Trưởng Bộ Phận	27/06/2024
45	Đỗ Văn TT	Phòng Quản Lý Chuỗi Cung Ứng	Trưởng Bộ Phận	28/06/2024
46	Nguyễn Thị UU	Phòng Quản Lý Tài Sản	Trưởng Bộ Phận	29/06/2024
47	Trần Văn VV	Phòng Quản Lý Môi Trường	Trưởng Bộ Phận	30/06/2024
48	Đỗ Thị WW	Phòng Quản Lý Hệ Thống Thông Tin	Trưởng Bộ Phận	01/07/2024
49	Nguyễn Văn XX	Phòng Quản Lý Chất Lượng Sản Phẩm	Trưởng Bộ Phận	02/07/2024
50	Trần Thị YY	Phòng Quản Lý Nguồn Nhân Lực	Trưởng Bộ Phận	03/07/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Phải trả khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>846.214.970</b>	<b>3.618.356.526</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	846.214.970	3.618.356.526
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>12.811.041.572</b>	<b>8.956.611.328</b>
Kinh phí công đoàn	1.216.185.542	1.228.357.038
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.667.458.132	1.589.236.859
Nhận ký quỹ, ký cược	2.133.645.001	1.766.202.624
Cổ tức phải trả	2.688.725.850	2.390.046.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.105.027.047	1.982.768.057
<b>Cộng</b>	<b>13.657.256.542</b>	<b>12.574.967.854</b>

**15b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>8.621.612.981</b>	<b>8.621.612.981</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh <sup>(*)</sup>	8.621.612.981	8.621.612.981
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>232.500.000</b>	<b>-</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	232.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.854.112.981</b>	<b>8.621.612.981</b>

(\*) Là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

**15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**16. Vay****16a. Vay ngắn hạn**

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.16b)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	12.103.554.626	11.757.017.937
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	214.285.716	4.067.434.090
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	2.439.360.000	813.120.000
<b>Cộng</b>	<b>14.757.200.342</b>	<b>16.637.572.027</b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Handwritten notes at the top of the page, possibly a title or introductory text.

Table with multiple columns and rows of handwritten data, possibly a ledger or record book.

Table with multiple columns and rows of handwritten data, continuing the ledger or record book.

Table with multiple columns and rows of handwritten data, continuing the ledger or record book.

Handwritten notes at the bottom of the page, possibly a summary or concluding text.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.637.572.027	20.893.920.814
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	15.989.907.556	18.758.113.633
Số tiền vay đã trả	<u>(17.870.279.241)</u>	<u>(23.014.462.420)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>14.757.200.342</u></b>	<b><u>16.637.572.027</u></b>

#### 16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú <sup>(i)</sup>	16.753.880.726	18.726.635.352
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	-	20.337.170.452
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm <sup>(iii)</sup>	-	2.439.360.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.753.880.726</u></b>	<b><u>41.503.165.804</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) vay theo các hợp đồng vay trong năm 2015, 2018, 2023 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất các khoản vay trong năm từ 6,8% - 10,30%/năm.. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (Công ty con) vay theo các hợp đồng ký kết tháng 12 năm 2019 để mua các tài sản cố định (xe đầu kéo, cầu gập container), thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất trong năm từ 11,00% - 11,50%. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (Lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 công ty đã thanh toán trước hạn toàn bộ khoản vay.

(iii) Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng tín dụng số 233/VCB.TT/21DH ngày 02 tháng 12 năm 2021 để đầu tư 04 Xe nâng điện Reach Truck. Lãi suất ưu đãi 24 tháng đầu tiên là 7,6%/năm, sau thời gian ưu đãi là lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 công ty đã thanh toán trước hạn toàn bộ khoản vay.

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5301 SOUTH CAMPUS DRIVE  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

RESEARCH ASSISTANT

Position: Research Assistant  
Department: Chemistry  
Location: 5301 South Campus Drive, Chicago, IL 60637

Responsibilities:  
- Assist in the synthesis and characterization of new materials.  
- Perform routine laboratory tasks under the supervision of the principal investigator.  
- Maintain accurate records of all experiments and results.

Qualifications:  
- Bachelor's degree in Chemistry or a related field.  
- Strong background in organic synthesis and analytical techniques.

Additional Information:  
- This position is full-time and requires a minimum of 40 hours per week.  
- Salary is commensurate with experience and education.  
- The University of Chicago is an equal opportunity institution.

Application Process:  
- Please send your resume and transcripts to: [Name], [Address], [City], [State], [Zip].  
- Only resumes with a cover letter will be considered.  
- Interviews will be held on a rolling basis.

Contact Information:  
Phone: (773) 707-1234  
Email: [Email Address]

For more information, please visit our website at [Website URL].  
We are an equal opportunity employer. All qualified applicants will receive consideration for employment without regard to race, gender, or ethnicity.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	14.757.200.342	16.637.572.027
Trên 1 năm đến 5 năm	16.753.880.726	37.435.731.712
Trên 5 năm	-	4.067.434.092
<b>Cộng</b>	<b><u>31.511.081.068</u></b>	<b><u>58.140.737.831</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	41.503.165.804	61.368.478.797
Số tiền vay phát sinh	10.664.000.000	7.400.000.000
Số tiền vay đã trả	(19.423.377.522)	(8.507.199.360)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(15.989.907.556)	(18.758.113.633)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>16.753.880.726</u></b>	<b><u>41.503.165.804</u></b>

#### 16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng người quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	9.466.462.950	30.283.246.416	672.500.000	40.422.209.366
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	17.723.576.192	17.554.792.793	1.339.284.559	36.617.653.544
Tăng khác	15.000.000	-	-	15.000.000
Chi quỹ trong năm	(11.359.964.057)	(8.803.666.665)	(1.044.075.747)	(21.207.706.469)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>15.845.075.085</u></b>	<b><u>39.034.372.544</u></b>	<b><u>967.708.812</u></b>	<b><u>55.847.156.441</u></b>



STATE OF TEXAS  
COUNTY OF [ ]  
[ ]

[ ]  
[ ]  
[ ]  
[ ]  
[ ]  
[ ]  
[ ]  
[ ]

[ ]  
[ ]

[ ]

[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]
[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]
[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]
[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]
[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]
[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]	[ ]





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

<i>Năm trước</i>	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm	199.910.200.000	62.888.443.664	46.560.774.278	29.657.896.307	339.017.314.249
Lợi nhuận trong năm	-	-	81.486.325.892	6.220.154.325	87.706.480.217
Chia cổ tức	-	-	(39.982.040.000)	(3.775.000.000)	(43.757.040.000)
Công ty mẹ tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	7.850.229.347	(35.790.729.347)	-	(27.940.500.000)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(361.333.754)	(347.163.802)	(708.497.556)
Công ty con tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	533.634.213	(1.419.147.964)	(707.015.433)	(1.592.529.184)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>71.272.307.224</b>	<b>50.493.849.105</b>	<b>31.048.871.397</b>	<b>352.725.227.726</b>
<i>Năm nay</i>					
Số dư đầu năm	199.910.200.000	71.272.307.224	50.493.849.105	31.048.871.397	352.725.227.726
Lợi nhuận trong năm	-	-	89.484.221.470	7.927.646.355	97.411.867.825
Chia cổ tức	-	-	(43.980.244.000)	(4.530.000.000)	(48.510.244.000)
Công ty mẹ tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	8.519.010.335	(41.209.859.354)	-	(32.690.849.019)
Công ty mẹ trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(61.144.570)	-	(61.144.570)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	509.854.398	(817.797.798)	(295.867.188)	(603.810.588)
Công ty con tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	1.293.401.341	(3.104.235.436)	(1.451.015.272)	(3.261.849.367)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>81.594.573.298</b>	<b>50.804.789.417</b>	<b>32.699.635.292</b>	<b>365.009.198.007</b>



1. Introduction  
 This report discusses the...  
 2. Methodology  
 The data was collected...  
 3. Results  
 The findings indicate...  
 4. Conclusion  
 In conclusion, the...

Category	Item	Value	Unit
Material	Item A	100	kg
	Item B	200	kg
	Item C	150	kg
Labor	Item D	50	hours
	Item E	75	hours
Energy	Item F	30	kWh
	Item G	40	kWh

5. References  
 [List of references]  
 6. Appendix  
 [Additional data or figures]



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
<b>Cộng</b>	<b><u>199.910.200.000</u></b>	<b><u>199.910.200.000</u></b>

#### 18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 18d. Phân phối lợi nhuận

##### Tại Công ty mẹ

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 43.980.244.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 61.144.570
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 8.519.010.335
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 32.172.099.019
• Trích quỹ thưởng người quản lý	: 518.750.000

##### Tại Công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái đã phân phối lợi nhuận năm 2022 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Điều lệ Công ty như sau:

	<u>VND</u>
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 7.200.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.807.762.353
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (8% lợi nhuận sau thuế)	: 2.066.014.118
• Trích quỹ thưởng người quản lý	: 200.000.000



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 34/NQ-ĐHĐCĐ-TCHL-2023 ngày 21 tháng 04 năm 2023 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận các năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	3.000.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	232.234.842
• Trích quỹ đầu tư phát triển	999.714.505
• Trích thưởng người quản lý	371.575.747
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2023	
• Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	746.876.436
• Trích quỹ đầu tư phát triển	497.917.624
• Trích thưởng người quản lý	248.958.812

### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

#### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 302.698,31 USD (số đầu năm là 754.355,21 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	929.059.794.571	930.415.823.024

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	418.047.725.480	385.660.923.707
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	2.152.206.112	2.203.551.020
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	3.090.910	31.657.407
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.078.534.200	1.399.918.635
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.053.752.750	1.319.060.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước		8.445.152
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	17.000.000	16.500.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	2.800.000	29.800.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	40.332.611	42.295.245
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	331.376.515	188.674.074
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	1.820.481.437	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	8.490.000	150.900.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	448.118.182	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Tân Cảng	10.000.000	4.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	10.200.000	1.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng	-	172.898.139
Hồng Ngọc Phú Quốc	-	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	7.915.306

THE HISTORY OF THE UNITED STATES

CHAPTER I  
THE DISCOVERY OF AMERICA  
The first discovery of America was made by Christopher Columbus in 1492. He sailed from Spain and reached the island of San Salvador in the West Indies. This event marked the beginning of European exploration and colonization of the Americas.

Year	Event
1492	Columbus discovers America
1498	Vesputri discovers the northern coast of South America
1500	Cabot discovers the northeastern coast of North America
1513	Ponce de Leon discovers Florida
1519	Vasco Nunez Balboa discovers the Pacific Ocean from the Americas
1541	Francisco Pizarro discovers Peru
1542	Hernando Cortes discovers Mexico
1563	John White discovers Roanoke
1585	Walter Raleigh discovers Virginia
1607	First permanent English settlement in Jamestown, Virginia
1620	Pilgrims arrive in Plymouth, Massachusetts
1630	Massachusetts Bay Colony established
1675	King Philip's War
1703	Founding of New York City
1733	Founding of Georgia
1763	End of the Seven Years' War
1776	Declaration of Independence
1781	British evacuated from Yorktown
1787	Constitution signed
1791	Bill of Rights adopted
1800	Capital moved to Washington, D.C.
1803	Louisiana Purchase
1812	War of 1812
1820	Missouri Compromise
1845	Texas Annexation
1848	Treaty of Guadalupe Hidalgo
1850	Compromise of 1850
1861	Start of the Civil War
1865	End of the Civil War
1870	Reconstruction begins
1876	End of Reconstruction
1890	Wounded Knee Massacre
1898	Spanish-American War
1901	End of Reconstruction
1909	Discovery of oil in California
1914	Start of World War I
1918	End of World War I
1929	Stock market crash
1933	Start of the Great Depression
1941	Attack on Pearl Harbor
1945	End of World War II
1949	Start of the Cold War
1954	Desegregation of schools
1963	Assassination of Martin Luther King Jr.
1968	Start of the Vietnam War
1973	End of the Vietnam War
1979	Iranian Revolution
1981	Start of the AIDS epidemic
1989	End of the Cold War
1991	End of the Soviet Union
1993	Start of the Clinton administration
1994	North American Free Trade Agreement (NAFTA)
1997	Start of the Clinton administration
1998	Start of the Clinton administration
1999	Start of the Clinton administration
2001	Start of the Bush administration
2001	September 11 attacks
2003	Start of the Iraq War
2008	Start of the Obama administration
2009	Start of the Obama administration
2011	Start of the Obama administration
2013	Start of the Obama administration
2017	Start of the Trump administration
2020	Start of the COVID-19 pandemic
2021	Start of the Biden administration

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	707.014.811.231	719.228.219.570
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	11.924.820.973	8.018.595.031
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	336.102.937	493.984.449
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	37.675.933	7.175.933
<b>Cộng</b>	<u><b>12.298.599.843</b></u>	<u><b>8.519.755.413</b></u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.682.698.959	4.738.855.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	82.287.012	90.368.898
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.923.047	319.691.124
<b>Cộng</b>	<u><b>2.782.909.018</b></u>	<u><b>5.148.915.523</b></u>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.515.390.920	22.123.734.473
Các chi phí khác	8.775.818.305	6.013.242.441
<b>Cộng</b>	<u><b>33.291.209.225</b></u>	<u><b>28.136.976.914</b></u>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.110.956.217	17.831.692.232
Chi phí vật liệu quản lý	1.164.640.994	1.159.068.034
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.747.508.561	1.853.465.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	944.765.699	955.804.893
Thuế, phí và lệ phí	198.818.672	148.458.585
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.298.947.616	(496.697.998)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.100.646.929	5.914.324.553
Các chi phí khác	45.255.602.560	42.347.024.723
<b>Cộng</b>	<u><b>75.821.887.248</b></u>	<u><b>69.713.140.412</b></u>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	6.959.193.095	-
Thu thanh lý	7.276.767.682	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định	(262.019.031)	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(55.555.556)	-
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	331.650.807	319.716.547
Thu bồi thường thiệt hại	267.905.315	162.960.203
Các khoản thu nhập khác	42.312.090	314.655.183
<b>Cộng</b>	<u><b>7.601.061.307</b></u>	<u><b>797.331.933</b></u>





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi thường tiết kiệm nhiên liệu	356.790.841	356.638.606
Chi phí bồi thường thiệt hại	537.762.384	123.462.702
Chi phí phạt do trả nợ trước hạn	929.378.945	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	411.159.900	665.686.846
Lỗi thanh lý vật tư	364.742.879	-
Các khoản chi phí khác	497.640.905	517.198.226
<b>Cộng</b>	<b><u>3.097.475.854</u></b>	<b><u>1.662.986.380</u></b>

#### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.021.848.874	1.065.646.778
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(732.080.514)	(1.021.848.874)
<b>Cộng</b>	<b><u>289.768.360</u></b>	<b><u>43.797.904</u></b>

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

##### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	89.484.221.470	81.486.325.892
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(34.501.683.113)	(29.195.101.721)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành</i>	(34.501.683.113)	(29.195.101.721)
+ Tại Công ty mẹ	(32.690.849.019)	(28.001.644.570)
+ Tại các Công ty con	(1.810.834.094)	(1.193.457.151)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	54.982.538.357	52.291.224.171
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.991.020	19.991.020
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.750</u></b>	<b><u>2.616</u></b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.634 VND xuống còn 2.616 VND.

##### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

1. The first part of the document is a list of names and addresses of the members of the committee. The names are listed in alphabetical order. The addresses are listed in the order in which they were received.

Name	Address	City
Mr. J. H. Smith	123 Main St.	Springfield
Mr. W. R. Jones	456 Elm St.	Springfield
Mr. T. G. Brown	789 Oak St.	Springfield
Mr. L. P. White	101 Pine St.	Springfield
Mr. S. K. Green	202 Cedar St.	Springfield
Mr. M. N. Black	303 Birch St.	Springfield
Mr. D. E. Gray	404 Maple St.	Springfield
Mr. C. F. Hall	505 Walnut St.	Springfield
Mr. B. G. King	606 Chestnut St.	Springfield
Mr. A. H. Lee	707 Elm St.	Springfield
Mr. J. I. Scott	808 Oak St.	Springfield
Mr. K. L. Adams	909 Pine St.	Springfield
Mr. H. M. Baker	1010 Cedar St.	Springfield
Mr. G. N. Carter	1111 Birch St.	Springfield
Mr. F. O. Evans	1212 Maple St.	Springfield
Mr. E. P. Green	1313 Walnut St.	Springfield
Mr. D. Q. Hill	1414 Chestnut St.	Springfield
Mr. C. R. King	1515 Elm St.	Springfield
Mr. B. S. Lee	1616 Oak St.	Springfield
Mr. A. T. Scott	1717 Pine St.	Springfield
Mr. J. U. Adams	1818 Cedar St.	Springfield
Mr. I. V. Baker	1919 Birch St.	Springfield
Mr. H. W. Carter	2020 Maple St.	Springfield
Mr. G. X. Evans	2121 Walnut St.	Springfield
Mr. F. Y. Green	2222 Chestnut St.	Springfield
Mr. E. Z. Hill	2323 Elm St.	Springfield
Mr. D. AA. King	2424 Oak St.	Springfield
Mr. C. BB. Lee	2525 Pine St.	Springfield
Mr. B. CC. Scott	2626 Cedar St.	Springfield
Mr. A. DD. Adams	2727 Birch St.	Springfield
Mr. J. EE. Baker	2828 Maple St.	Springfield
Mr. I. FF. Carter	2929 Walnut St.	Springfield
Mr. H. GG. Evans	3030 Chestnut St.	Springfield
Mr. G. HH. Green	3131 Elm St.	Springfield
Mr. F. II. Hill	3232 Oak St.	Springfield
Mr. E. JJ. King	3333 Pine St.	Springfield
Mr. D. KK. Lee	3434 Cedar St.	Springfield
Mr. C. LL. Scott	3535 Birch St.	Springfield
Mr. B. MM. Adams	3636 Maple St.	Springfield
Mr. A. NN. Baker	3737 Walnut St.	Springfield
Mr. J. OO. Carter	3838 Chestnut St.	Springfield
Mr. I. PP. Evans	3939 Elm St.	Springfield
Mr. H. QQ. Green	4040 Oak St.	Springfield
Mr. G. RR. Hill	4141 Pine St.	Springfield
Mr. F. SS. King	4242 Cedar St.	Springfield
Mr. E. TT. Lee	4343 Birch St.	Springfield
Mr. D. UU. Scott	4444 Maple St.	Springfield
Mr. C. VV. Adams	4545 Walnut St.	Springfield
Mr. B. WW. Baker	4646 Chestnut St.	Springfield
Mr. A. XX. Carter	4747 Elm St.	Springfield
Mr. J. YY. Evans	4848 Oak St.	Springfield
Mr. I. ZZ. Green	4949 Pine St.	Springfield
Mr. H. AA. Hill	5050 Cedar St.	Springfield
Mr. G. BB. King	5151 Birch St.	Springfield
Mr. F. CC. Lee	5252 Maple St.	Springfield
Mr. E. DD. Scott	5353 Walnut St.	Springfield
Mr. D. EE. Adams	5454 Chestnut St.	Springfield
Mr. C. FF. Baker	5555 Elm St.	Springfield
Mr. B. GG. Carter	5656 Oak St.	Springfield
Mr. A. HH. Evans	5757 Pine St.	Springfield
Mr. J. II. Green	5858 Cedar St.	Springfield
Mr. I. JJ. Hill	5959 Birch St.	Springfield
Mr. H. KK. King	6060 Maple St.	Springfield
Mr. G. LL. Lee	6161 Walnut St.	Springfield
Mr. F. MM. Scott	6262 Chestnut St.	Springfield
Mr. E. NN. Adams	6363 Elm St.	Springfield
Mr. D. OO. Baker	6464 Oak St.	Springfield
Mr. C. PP. Carter	6565 Pine St.	Springfield
Mr. B. QQ. Evans	6666 Cedar St.	Springfield
Mr. A. RR. Green	6767 Birch St.	Springfield
Mr. J. SS. Hill	6868 Maple St.	Springfield
Mr. I. TT. King	6969 Walnut St.	Springfield
Mr. H. UU. Lee	7070 Chestnut St.	Springfield
Mr. G. VV. Scott	7171 Elm St.	Springfield
Mr. F. WW. Adams	7272 Oak St.	Springfield
Mr. E. XX. Baker	7373 Pine St.	Springfield
Mr. D. YY. Carter	7474 Cedar St.	Springfield
Mr. C. ZZ. Evans	7575 Birch St.	Springfield
Mr. B. AA. Green	7676 Maple St.	Springfield
Mr. A. BB. Hill	7777 Walnut St.	Springfield
Mr. J. CC. King	7878 Chestnut St.	Springfield
Mr. I. DD. Lee	7979 Elm St.	Springfield
Mr. H. EE. Scott	8080 Oak St.	Springfield
Mr. G. FF. Adams	8181 Pine St.	Springfield
Mr. F. GG. Baker	8282 Cedar St.	Springfield
Mr. E. HH. Carter	8383 Birch St.	Springfield
Mr. D. II. Evans	8484 Maple St.	Springfield
Mr. C. JJ. Green	8585 Walnut St.	Springfield
Mr. B. KK. Hill	8686 Chestnut St.	Springfield
Mr. A. LL. King	8787 Elm St.	Springfield
Mr. J. MM. Lee	8888 Oak St.	Springfield
Mr. I. NN. Scott	8989 Pine St.	Springfield
Mr. H. OO. Adams	9090 Cedar St.	Springfield
Mr. G. PP. Baker	9191 Birch St.	Springfield
Mr. F. QQ. Carter	9292 Maple St.	Springfield
Mr. E. RR. Evans	9393 Walnut St.	Springfield
Mr. D. SS. Green	9494 Chestnut St.	Springfield
Mr. C. TT. Hill	9595 Elm St.	Springfield
Mr. B. UU. King	9696 Oak St.	Springfield
Mr. A. VV. Lee	9797 Pine St.	Springfield
Mr. J. WW. Scott	9898 Cedar St.	Springfield
Mr. I. XX. Adams	9999 Birch St.	Springfield
Mr. H. YY. Baker	10000 Maple St.	Springfield

The second part of the document is a list of names and addresses of the members of the committee. The names are listed in alphabetical order. The addresses are listed in the order in which they were received.

The third part of the document is a list of names and addresses of the members of the committee. The names are listed in alphabetical order. The addresses are listed in the order in which they were received.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.124.630.262	91.707.295.372
Chi phí nhân công	221.779.777.723	210.980.698.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.364.518.920	42.412.733.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.670.561.857	386.102.403.522
Chi phí khác	96.188.418.942	85.875.205.582
<b>Cộng</b>	<b><u>816.127.907.704</u></b>	<b><u>817.078.336.896</u></b>

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Các cam kết thuê hoạt động

###### **Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn:**

Theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng cảng số 1989 ngày 19 tháng 11 năm 2010, Công ty thuê cơ sở hạ tầng và các hạng mục công trình thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn nằm ở địa phận phường 22, quận Bình Thạnh và phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, thời hạn thuê là 10 năm. Hợp đồng không hủy ngang. Việc gia hạn hợp đồng thuê được tiến hành ít nhất 3 tháng trước khi hết hạn hợp đồng. Hiện tại hai bên đang thực hiện ký phụ lục hợp đồng hàng năm về thời gian và đơn giá thuê.

Tổng số tiền thuê phát sinh năm nay là 44.142.264.000 VND (năm trước là 44.142.264.000 VND).

###### **Công ty TNHH Hiệp Lực:**

Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 3 năm 2023 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Chuyển đổi tiền trả trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực thành tiền đặt cọc, số tiền 15.000.000.000 VND (Xem thuyết minh V.5b). Đơn giá thuê bao gồm cả VAT như sau:

- Giai đoạn 1, từ 01/01/2020 – 01/01/2024: đơn giá thuê là 25.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với bãi và 56.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 2, từ 02/01/2024 – 01/01/2027: đơn giá thuê là 27.500 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với bãi và 61.600 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 02/01/2027 – 01/01/2030, đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên, tuy nhiên đơn giá điều chỉnh không được vượt quá 10% so với đơn giá đã ký ở Giai đoạn 2.

Tổng số tiền thuê phát sinh năm nay là 6.141.141.820 VND (năm trước là 6.141.141.820 VND).

##### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or header.

Table with multiple columns and rows of handwritten text, possibly a ledger or record book.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Main body of handwritten text, appearing to be a detailed report or account.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Main body of handwritten text, appearing to be a detailed report or account.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.

Handwritten text block, possibly a section header or a specific entry.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thưởng người quản lý</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>					
<b>Hội đồng quản trị</b>					
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT	643.012.813	360.010.245	79.698.796	-	1.082.721.854
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HĐQT	-	-	72.108.434	60.000.000	132.108.434
Ông Đỗ Xuân Minh - Thành viên HĐQT	-	-	60.722.892	60.000.000	120.722.892
Ông Trần Quang Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	648.969.858	473.736.931	56.927.711	154.666.667	1.334.301.167
Ông Đoàn Phi - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	504.610.704	287.633.333	56.927.711	60.000.000	909.171.748
<b>Ban Kiểm soát</b>					
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng BKS	-	-	24.668.675	60.000.000	84.668.675
Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên BKS	-	-	13.283.133	30.000.000	43.283.133
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên BKS	-	-	13.283.133	30.000.000	43.283.133
<b>Ban Giám đốc</b>					
Ông Bùi Văn Bằng - Phó Giám đốc	510.893.457	290.759.996	49.337.349	-	850.990.802
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kế toán trưởng	335.487.631	217.872.173	45.542.166	66.000.000	664.901.970
<b>Cộng</b>	<b><u>2.642.974.463</u></b>	<b><u>1.630.012.678</u></b>	<b><u>472.500.000</u></b>	<b><u>520.666.667</u></b>	<b><u>5.266.153.808</u></b>
<b>Năm trước</b>					
<b>Hội đồng quản trị</b>					
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT	675.215.986	250.005.887	43.180.724	-	968.402.597
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HĐQT	-	-	30.843.373	60.000.000	90.843.373
Ông Đỗ Xuân Minh - Thành viên HĐQT	-	-	30.843.373	60.000.000	90.843.373
Ông Trần Quang Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	696.703.630	242.950.412	113.795.087	154.666.667	1.208.115.796
Ông Đoàn Phi - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	540.503.590	195.572.450	32.899.598	60.000.000	828.975.638
<b>Ban Kiểm soát</b>					
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng BKS	-	-	13.365.462	60.000.000	73.365.462
Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên BKS	-	-	7.196.787	30.000.000	37.196.787
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên BKS	-	-	7.196.787	30.000.000	37.196.787
<b>Ban Giám đốc</b>					
Ông Bùi Văn Bằng - Phó Giám đốc	533.595.467	172.589.410	26.730.924	-	732.915.801
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kế toán trưởng	324.453.995	148.409.173	34.907.257	66.000.000	573.770.425
<b>Cộng</b>	<b><u>2.770.472.668</u></b>	<b><u>1.009.527.332</u></b>	<b><u>340.959.372</u></b>	<b><u>520.666.667</u></b>	<b><u>4.641.626.039</u></b>

1. The name of the person or organization  
 2. The date of the report  
 3. The purpose of the report

No.	Name	Address	City	State	Zip	Phone
1	John Doe	123 Main St	New York	NY	10001	212-555-1234
2	Jane Smith	456 Elm St	Los Angeles	CA	90001	213-555-5678
3	Bob Johnson	789 Oak St	Chicago	IL	60601	312-555-9012
4	Alice Brown	101 Pine St	San Francisco	CA	94101	415-555-3456
5	Charlie White	202 Cedar St	Houston	TX	77001	713-555-7890
6	Diana Green	303 Maple St	Phoenix	AZ	85001	602-555-2345
7	Frank Black	404 Birch St	Philadelphia	PA	19101	215-555-6789
8	Grace King	505 Walnut St	San Diego	CA	92101	619-555-1011
9	Henry Lee	606 Cherry St	Portland	OR	97201	503-555-4567
10	Ivy Hill	707 Poplar St	San Jose	CA	95101	408-555-8901
11	Jack King	808 Spruce St	San Antonio	TX	78201	214-555-2345
12	Karen White	909 Ash St	San Jose	CA	95101	408-555-6789
13	Leo Hill	1010 Hickory St	San Jose	CA	95101	408-555-1011
14	Mia Hill	1111 Sycamore St	San Jose	CA	95101	408-555-2345
15	Noah Hill	1212 Dogwood St	San Jose	CA	95101	408-555-3456
16	Olivia Hill	1313 Magnolia St	San Jose	CA	95101	408-555-4567
17	Peter Hill	1414 Tulip St	San Jose	CA	95101	408-555-5678
18	Quinn Hill	1515 Iris St	San Jose	CA	95101	408-555-6789
19	Rachel Hill	1616 Rose St	San Jose	CA	95101	408-555-7890
20	Sam Hill	1717 Sunflower St	San Jose	CA	95101	408-555-8901
21	Tina Hill	1818 Dandelion St	San Jose	CA	95101	408-555-9012
22	Uma Hill	1919 Lavender St	San Jose	CA	95101	408-555-0123
23	Victor Hill	2020 Zinnia St	San Jose	CA	95101	408-555-1234
24	Wendy Hill	2121 Geranium St	San Jose	CA	95101	408-555-2345
25	Xavier Hill	2222 Petunia St	San Jose	CA	95101	408-555-3456
26	Yara Hill	2323 Marigold St	San Jose	CA	95101	408-555-4567
27	Zoe Hill	2424 Cosmos St	San Jose	CA	95101	408-555-5678
28	Adam Hill	2525 Hibiscus St	San Jose	CA	95101	408-555-6789
29	Ella Hill	2626 Begonia St	San Jose	CA	95101	408-555-7890
30	Felix Hill	2727 Fuchsia St	San Jose	CA	95101	408-555-8901
31	Gina Hill	2828 Camellia St	San Jose	CA	95101	408-555-9012
32	Harold Hill	2929 Aster St	San Jose	CA	95101	408-555-0123
33	Iris Hill	3030 Daylily St	San Jose	CA	95101	408-555-1234
34	Jack Hill	3131 Gladiolus St	San Jose	CA	95101	408-555-2345
35	Karen Hill	3232 Iris St	San Jose	CA	95101	408-555-3456
36	Leo Hill	3333 Juniper St	San Jose	CA	95101	408-555-4567
37	Mia Hill	3434 Lavender St	San Jose	CA	95101	408-555-5678
38	Noah Hill	3535 Marigold St	San Jose	CA	95101	408-555-6789
39	Olivia Hill	3636 Petunia St	San Jose	CA	95101	408-555-7890
40	Peter Hill	3737 Sunflower St	San Jose	CA	95101	408-555-8901
41	Quinn Hill	3838 Dandelion St	San Jose	CA	95101	408-555-9012
42	Rachel Hill	3939 Zinnia St	San Jose	CA	95101	408-555-0123
43	Sam Hill	4040 Geranium St	San Jose	CA	95101	408-555-1234
44	Tina Hill	4141 Marigold St	San Jose	CA	95101	408-555-2345
45	Uma Hill	4242 Cosmos St	San Jose	CA	95101	408-555-3456
46	Victor Hill	4343 Hibiscus St	San Jose	CA	95101	408-555-4567
47	Wendy Hill	4444 Begonia St	San Jose	CA	95101	408-555-5678
48	Xavier Hill	4545 Fuchsia St	San Jose	CA	95101	408-555-6789
49	Yara Hill	4646 Camellia St	San Jose	CA	95101	408-555-7890
50	Zoe Hill	4747 Aster St	San Jose	CA	95101	408-555-8901



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

##### Bên liên quan khác

##### Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	Công ty cùng Tập đoàn

##### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</b>		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	9.087.708.351	9.276.736.672
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	44.142.264.000	44.142.264.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	25.953.510.000	23.594.100.000
<b>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	8.245.281.843	4.689.708.353
Mua phần mềm	15.660.511.767	3.518.124.812

Handwritten notes at the top of the page, including a date and some illegible text.

Section header or title for the first part of the document.

Main body of the document containing a large table with multiple columns and rows of handwritten text.

Section header or title for the second part of the document.

Table with multiple columns and rows of handwritten text, located in the lower section of the page.

Final section of handwritten text at the bottom of the page, possibly a signature or conclusion.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	30.510.632.288	38.093.535.291
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	121.700.000	571.040.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	180.189.000	199.038.813
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.548.564.000	1.258.903.650
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.251.430.225	3.274.267.213
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	301.744.728	478.154.259
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.108.342.000	1.617.076.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	-	29.349.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	467.050.000	275.300.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	100.446.000	152.941.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	-	328.840.068
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	202.625.321	511.299.293
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	56.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	3.720.283.377	3.366.197.471
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	23.262.288	22.888.051
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	-	645.458
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	-	31.111.111
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	2.070.410.000	2.009.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	16.000.000	-

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo





*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

